

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thứ và ông Đàm Sông Hương;
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

1, Ông An Văn T, sinh năm 1974. Trưởng thôn Thôn K.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị La Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và về chung sống như vợ chồng từ cuối năm 1994, không đăng ký kết hôn mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống, giữa

chị và anh H nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp về tính cách. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào cuối năm 2022, chị và anh H cãi, chửi nhau nhiều hơn và đã sống ly thân. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/07/1995 và cháu Nguyễn Cao T, sinh ngày 12/5/1997. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị La Thị D xác định anh chị tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị La Thị D xác định trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Nguyễn Văn H: Quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày ý kiến phù hợp với chị D về quá trình chung sống, con chung và thời gian xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về tính cách và quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ cuối năm 2022 anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhất trí vì bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị D.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H xác nhận anh và chị La Thị D có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/07/1995 và cháu Nguyễn Cao T, sinh ngày 12/5/1997. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H xác định anh chị tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh Nguyễn Văn H xác định trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người làm chứng thể hiện thể hiện: Chị La Thị D và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn và có 02 người con chung đã trưởng thành.

Tại bản trình bày ý kiến của cháu Nguyễn Thị T và cháu Nguyễn Cao T thể hiện: Trong quá trình chung sống thấy bố mẹ có nhiều mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và tự chăm lo cuộc sống của bản thân. Không có công sức đóng góp gì vào tài sản chung của bố mẹ, nên không đề nghị gì. Về quan hệ hôn nhân của bố mẹ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị La Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị D và anh Nguyễn Văn H.

- Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị La Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị D và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1994 tại xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai, nhưng không đăng ký kết hôn. Tại thời điểm chung sống và hiện nay cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn, do đó theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì*

không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... ”. Đến nay, cả chị D và anh H đều xác định là không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị D, giải quyết: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị D và anh Nguyễn Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Chị La Thị D và anh Nguyễn Văn H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/07/1995 và cháu Nguyễn Cao T, sinh ngày 12/5/1997. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị D phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1, Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị D và anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị La Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0001414 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị La Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lru HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa